

thông qua các phương tiện truyền thanh, truyền hình, xuất bản các loại sách báo địa phương...

3. Tổ chức thực hiện:

Việc tổ chức dạy học tiếng dân tộc cùng với tiếng phổ thông trong nhà trường là một chủ trương lớn. Bộ sẽ tăng cường công tác nghiên cứu và chỉ đạo việc dạy học cũng như việc biên soạn chương trình, sách giáo khoa, tài liệu, đồ dùng giảng dạy và đào tạo giáo viên. Để thực hiện có kết quả công tác này, Bộ giao cho:

- Viện Khoa học giáo dục (Trung tâm Giáo dục dân tộc) chủ trì phối hợp cùng các cơ quan chức năng của Bộ và các tỉnh tổ chức xây dựng chương trình bộ môn tiếng dân tộc dùng trong các trường tiểu học, các lớp xóa mù chữ vùng dân tộc thiểu số. Bộ sẽ tiến hành xét duyệt để ban hành chính thức.

- Nhà Xuất bản Giáo dục phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục, Vụ Giáo dục Tiểu học, Vụ Giáo viên và các địa phương tổ chức biên soạn sách giáo khoa tiếng dân tộc, sách hướng dẫn giảng dạy và các tài liệu dạy học cần thiết theo thể thức quy định về sách giáo khoa chung; phối hợp với các cơ quan khác như Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển... để xây dựng từ điển, sách ngữ pháp cho các tiếng dân tộc dùng trong trường học.

- Vụ Giáo dục tiểu học tiến hành việc chỉ đạo, hướng dẫn các tỉnh, thành phố thực hiện chương trình dạy học tiếng dân tộc trong các trường tiểu học, bổ sung vào sổ điểm và học bạ phần bộ môn tiếng dân tộc.

- Vụ Giáo dục Mầm non phối hợp với Viện Khoa học Giáo dục xây dựng chương trình và biên soạn tài liệu dạy học tiếng dân tộc, hàng năm tiến hành chỉ đạo việc thực hiện chương trình trong các trường, lớp mẫu giáo vùng dân tộc.

- Vụ Giáo dục thường xuyên tiến hành việc chỉ đạo và hướng dẫn các tỉnh, thành phố xây dựng và thực hiện kế hoạch xóa mù chữ và bổ túc văn hóa bằng tiếng dân tộc cho các đối tượng như đã hướng dẫn.

- Vụ Giáo viên phối hợp với các tỉnh để tiến hành xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo giáo viên dạy tiếng dân tộc và dạy song ngữ trong các trường sư phạm vùng dân tộc; cùng các Vụ Kế hoạch Tài chính và Tổ chức Cán bộ xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc hàng năm, tiến hành nghiên cứu chế độ chính sách đối với giáo viên dạy tiếng dân tộc và song ngữ phù hợp.

- Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố có đồng bào dân tộc thiểu số chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ để cụ thể hóa xây dựng chương trình cho phù hợp với từng thứ tiếng và biên soạn tài liệu, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy tiếng dân tộc; xây dựng kế hoạch hàng năm về việc dạy tiếng dân tộc đối với các ngành học trong tỉnh và thành phố, tính toán các nhu cầu kinh phí; phối hợp với các cơ quan liên quan khác (Văn hóa, Thông tin, Khoa học Kỹ thuật...) để tăng cường sử dụng tiếng dân tộc trong đời sống. Mỗi tỉnh, thành phố cần có tổ chức theo dõi, chỉ đạo (Phòng Chữ dân tộc, hoặc tổ, nhóm...) giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo được kết quả.

Để việc sử dụng tiếng nói và chữ viết các dân tộc thiểu số được phát triển rộng rãi và vững chắc, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị các cơ quan, ban, ngành ở Trung ương và các tỉnh, thành phố tăng cường việc tuyên truyền và sử dụng tiếng dân tộc trong đời sống, tăng cường việc giao lưu văn hóa giữa các dân tộc, làm phong phú thêm nền văn hóa của cả nước; đề nghị các cấp chính quyền, các cơ quan giáo dục, các trường học thực hiện tốt Thông tư này.

Thông tư này thay thế Thông tư số 14-TT ngày 12-4-1962 của Bộ Giáo dục hướng dẫn thực hiện Nghị định số 206-CP của Chính phủ về dạy chữ dân tộc trong các trường lớp phổ thông và xóa mù chữ; Thông tư số 19-TT ngày 18-2-1972 của Bộ Giáo dục hướng dẫn thực hiện Quyết định số 153-CP của Chính phủ về dạy chữ dân tộc trong ngành Giáo dục.

K.T. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thủ trưởng

TRẦN XUÂN NHÍ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TƯ số 1-BKH/DN ngày 29-1-1997 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ về doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích.

Thi hành Nghị định số 56-CP ngày 2-10-1996 của Chính phủ về doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích; sau khi trao đổi với Ban Chỉ đạo Trung ương Đổi mới doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch

và Đầu tư hướng dẫn cụ thể việc xác định doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích và việc Nhà nước giao kế hoạch hàng năm hoặc đặt hàng cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích như sau:

I. XÁC ĐỊNH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

Doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích là doanh nghiệp nhà nước độc lập hoặc doanh nghiệp nhà nước là thành viên hạch toán độc lập của Tổng công ty nhà nước trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công cộng theo chính sách của Nhà nước, do Nhà nước giao kế hoạch hoặc đặt hàng và theo giá, khung giá hoặc phí do Nhà nước quy định, hoạt động chủ yếu không vì mục tiêu lợi nhuận.

Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích nêu trên bao gồm:

1. Các doanh nghiệp nhà nước trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

- Các doanh nghiệp nhà nước sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh đã được quyết định thành lập lại và thành lập mới theo Nghị định số 388-HĐBT và đã được phê duyệt trong phương án tổng thể tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Chỉ thị số 500-TTg ngày 25-8-1995 của Thủ tướng Chính phủ mà công nghệ và nhiệm vụ chủ yếu của doanh nghiệp là sản xuất, sửa chữa vũ khí, khí tài, trang bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh.

- Các doanh nghiệp nhà nước được thành lập để trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh: trực tiếp xuất, nhập khẩu vũ khí, khí tài, vật tư, trang thiết bị chuyên dùng cho quốc phòng, an ninh; rà phá bom, mìn; xây dựng công trình đặc biệt; in, xuất bản và phát hành sách báo, tài liệu chuyên về quốc phòng, an ninh; các doanh nghiệp được giao nhiệm vụ đặc biệt duy trì tiềm lực quốc phòng.

- Các doanh nghiệp nhà nước được thành lập tại các địa bàn chiến lược quan trọng như vùng biên giới, hải đảo, Tây Nguyên để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu Nhà nước giao là bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội trên địa bàn kết hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Các doanh nghiệp nhà nước sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công cộng có ít nhất

70% doanh thu do sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ trong các lĩnh vực sau đây:

- Giao thông, công chính đô thị: vận tải hành khách công cộng, dịch vụ vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường sinh thái, quản lý công viên, cây xanh, vườn thú, bảo đảm chiếu sáng, cấp, thoát nước, dịch vụ tang lễ... tại các đô thị.

- Quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng: đường sắt quốc gia, đường bộ, đường thủy, bến cảng, bảo đảm hàng hải, dẫn dắt tàu ra vào cảng biển, sân bay, điều hành bay.

- Kiểm định kỹ thuật phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy.

- Kiểm tra, kiểm soát và phân phối tần số vô tuyến điện.

- Khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi.

- Sản xuất giống gốc cây trồng, vật nuôi: giống cây lương thực, cây ăn quả, cây công nghiệp, giống cây rừng, giống gia súc, gia cầm, giống thủy, hải sản, bao gồm cả sản xuất tinh và truyền tinh nhân tạo cho gia súc.

- Xuất bản và phát hành sách giáo khoa, sách báo chính trị.

- Sản xuất và phát hành phim thời sự, tài liệu, khoa học, phim truyền hình, phim cho thiếu nhi.

- Sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ theo chính sách xã hội của Nhà nước: sản xuất và cung ứng muối ăn, chiếu bóng, cung ứng các hàng hóa dịch vụ khác theo quy định của Chính phủ phục vụ miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo; sản xuất, cung ứng thuốc phòng chống dịch cho người, cây trồng và vật nuôi; sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ cho người tàn tật.

Doanh thu do sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công cộng được tính trên cơ sở doanh thu thực tế của doanh nghiệp trong hai năm gần nhất.

II. QUYẾT ĐỊNH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

1. Đối với các doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong phương án tổng thể tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Chỉ thị số 500-TTg ngày 25-8-1996 của Thủ tướng Chính phủ:

Căn cứ vào các tiêu thức quy định tại Điều 1 và Điều 2 của Nghị định số 56-CP và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan

thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét và quyết định cho từng doanh nghiệp trong số các doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động thuộc ngành, địa phương mình là doanh nghiệp hoạt động công ích.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước quy định lại điểm 2, mục I của Thông tư này đã được quyết định là doanh nghiệp hoạt động công ích, nếu sau hai năm liên tiếp, doanh thu của doanh nghiệp do sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công cộng không đạt 70% doanh thu, thì cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp xem xét, phân định lại không quyết định là doanh nghiệp hoạt động công ích.

Trường hợp doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực quy định tại điểm 2, mục I của Thông tư này chưa được quyết định là doanh nghiệp hoạt động công ích, nếu đạt được 70% doanh thu do sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công cộng trong hai năm liên tiếp thì sẽ được cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp xem xét để quyết định là doanh nghiệp hoạt động công ích.

Cơ quan quyết định doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích gửi danh sách các doanh nghiệp hoạt động công ích thuộc ngành, địa phương mình đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

2. Thành lập mới doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích:

Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ hoạt động công ích và năng lực của các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích hiện có trong ngành, lĩnh vực và trên địa bàn, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân quận, huyện, thành phố, thị xã, Hội đồng Quản trị của Tổng công ty nhà nước đề nghị thành lập mới doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thuộc ngành, địa phương hoặc Tổng công ty mình.

Trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thực hiện theo quy định tại Nghị định số 50-CP ngày 28-8-1996 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

III. GIAO KẾ HOẠCH HOẶC ĐẶT HÀNG CHO DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH

1. Các chỉ tiêu giao kế hoạch hoặc đặt hàng:

- Các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động đã được xác định trong quyết định thành lập

doanh nghiệp để xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể về hoạt động công ích và các hoạt động khác (nếu có) gửi cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp và cơ quan tài chính cùng cấp.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao kế hoạch hàng năm hoặc đặt hàng cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thuộc ngành, địa phương mình gồm các chỉ tiêu sau đây:

+ Số lượng và chất lượng sản phẩm sản xuất, cung ứng dịch vụ công cộng.

+ Thời gian và địa chỉ giao nhận sản phẩm, dịch vụ công cộng.

+ Đơn giá thanh toán sản phẩm, dịch vụ công cộng.

+ Đơn giá trợ cấp, trợ giá cho từng sản phẩm, dịch vụ công cộng do cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Dự toán thu, chi ngân sách (trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, địa phương được duyệt).

- Hàng năm, cơ quan giao kế hoạch hoặc đặt hàng tổ chức nghiệm thu số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ công cộng hoàn thành được Nhà nước thanh toán cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích.

2. Giao kế hoạch hoặc đặt hàng đối với doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích trong một số lĩnh vực:

a) Đối với các doanh nghiệp trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Nội vụ giao chỉ tiêu số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ bảo đảm cho quốc phòng, an ninh.

b) Riêng đối với các doanh nghiệp tại địa bàn chiến lược, đây là doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích đặc thù. Để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn khi có thiên tai, địch họa xảy ra, Nhà nước giao chỉ tiêu số lượng và chất lượng lao động có mặt thường xuyên tại doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu. Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao về lao động, doanh nghiệp lập kế hoạch sử dụng có hiệu quả số lượng và chất lượng lao động để sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ phục vụ nền kinh tế quốc dân, bảo đảm đời sống cho người lao động.

Đối với các doanh nghiệp hoạt động công ích nói tại điểm a và b trên đây, được hưởng các chế độ ưu đãi cho doanh nghiệp nhà nước hoạt động

công ích theo quy định và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích khác, Nhà nước giao kế hoạch hoặc đặt hàng về số sản phẩm, dịch vụ công cộng chiếm từ 70% doanh thu của doanh nghiệp trở lên. Trường hợp sản phẩm, dịch vụ Nhà nước giao kế hoạch hoặc đặt hàng không bảo đảm đủ 70% thì doanh nghiệp vẫn được hưởng chế độ ưu đãi tương ứng với số lượng, chất lượng sản phẩm dịch vụ mà doanh nghiệp thanh toán với Nhà nước.

Ngoài nhiệm vụ thực hiện chỉ tiêu Nhà nước giao hoặc đặt hàng, doanh nghiệp có thể sản xuất, kinh doanh các sản phẩm dịch vụ khác để tận dụng năng lực sản xuất nhưng phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Phải được cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp đồng ý bằng văn bản.
- Không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ công ích Nhà nước giao hoặc đặt hàng.
- Đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh theo quy định hiện hành.
- Hạch toán riêng phần hoạt động kinh doanh.
- Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với phần hoạt động kinh doanh thêm, theo quy định của pháp luật.

d) Đối với các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh, nếu được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổng Giám đốc Tổng công ty, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao chỉ tiêu kế hoạch hoặc đặt hàng sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công ích thì cũng được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước tương ứng với phần sản phẩm hoặc dịch vụ công ích đó.

IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan và doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu hướng dẫn bổ sung.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
TRẦN XUÂN GIÁ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

THÔNG TƯ số 1-NN/KL/TT ngày 18-2-1997 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 77-CP ngày 29-11-1996 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 77-CP ngày 29-11-1996 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Nghị định đã quy định đầy đủ, cụ thể việc xử phạt hành chính đối với những hành vi vi phạm các quy tắc quản lý Nhà nước về rừng để thống nhất thi hành việc xử phạt theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 6-7-1995 và các quy định của Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 12-8-1991.

Để bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định số 77-CP, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, giải thích để làm rõ thêm một số vấn đề đã được quy định tại Nghị định số 77-CP.

I. VỀ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Ở Chương I của Nghị định số 77-CP quy định một số vấn đề có tính đặc thù lâm nghiệp, còn các quy định có tính nguyên tắc chung khác áp dụng theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

1. Khái niệm lâm sản (Điều 2).

1.1. Gỗ rừng, các loại thực vật rừng khác và động vật rừng quý hiếm nói tại Điều này là những loài cây, loài con được quy định cụ thể trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm ban hành kèm theo Nghị định số 18-HĐBT ngày 17-1-1992.

1.2. Các loại gỗ thông thường nói tại Điều này, được chia theo 8 nhóm quy định tại Quyết định số 2198-CN ngày 26-11-1977 của Bộ Lâm nghiệp ban hành phân loại tạm thời các loại gỗ sử dụng thống nhất trong cả nước; trừ một số loại gỗ thuộc nhóm I, II đã được ghi vào Danh mục thực vật rừng quý hiếm của Nghị định số 18-HĐBT.

2. Trường hợp chuyển sang truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 3).

Tại Khoản 2, Điều 3 của Nghị định số 77-CP đã quy định những trường hợp vi phạm không